**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới,**

**xã an toàn khu vào diện đầu tư Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006 - 2010**

**(Chương trình 135 giai đoạn II)**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Quyết định số 07/2006/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006 - 2010;

Xét đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm ñy ban Dân tộc,

**QUYẾT ĐỊNH :**

**Điều 1.** Phê duyệt danh sách 1.644 xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu chưa hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 giai đoạn 1999 - 2005 và các xã được chia tách theo các Nghị định của Chính phủ từ xã chưa hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 giai đoạn 1999 - 2005 vào diện đầu tư Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006 - 2010 (Chương trình 135 giai đoạn II). Danh sách các xã vào diện đầu tư Chương trình 135 giai đoạn 2006 - 2010 kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Thực hiện hỗ trợ đầu tư từ ngân sách nhà nước giai đoạn 2006 - 2010 cho tổng số 1.644 xã như sau:

1. Ngân sách trung ương hỗ trợ đầu tư: 1.581 xã (Danh sách kèm theo).

2. Ngân sách địa phương đầu tư: 63 xã (Danh sách kèm theo).

**Điều 3.** Các xã chưa hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 còn lại do chia tách từ xã đã hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 giai đoạn 1999 - 2005 và do các địa phương đề nghị sẽ được xem xét bổ sung vào diện đầu tư Chương trình 135 sau khi có kết quả phân định 3 khu vực.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Quyết định này thay thế các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách, bổ sung và thay tên các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu thuộc phạm vi Chương trình 135 giai đoạn 1999 - 2005: Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 1999; Quyết định số 647/QĐ-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2000; Quyết định số 42/2001/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2001; Quyết định số 120/2002/QĐ-TTg ngày 18 tháng 9 năm 2002; Quyết định số 231/2003/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2003 và Quyết định số 15/2005/QĐ-TTg ngày 19 tháng 01 năm 2005.

**Điều 5.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch ñy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. THỦ TƯỚNG**

**PHÓ THỦ TƯỚNG**

**Phạm Gia Khiêm - Đã ký**

***Nơi nhận:***

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ,

cơ quan thuộc Chính phủ;

- HĐND, UBND các tỉnh,

thành phố trực thuộc Trung ương;

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;

- Văn phòng Chủ tịch nước;

- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;

- Văn phòng Quốc hội;

- Toà án nhân dân tối cao;

- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;

- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;

- Học viện Hành chính Quốc gia;

- VPCP: BTCN, TBNC, các PCN, BNC,

Website Chính phủ, Ban Điều hành 112,

Người phát ngôn của Thủ tướng Chính phủ,

các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;

- Lưu: Văn thư, VX (5b). Minh